

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 212/2022/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Cửu, ngày 22 tháng 7 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Xuân Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: bà Trần Thị Hoa và ông Vũ Viết Cẩm

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 217, 218, 219, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 397/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017.

Căn cứ Biên bản phiên tòa ngày 21 tháng 6 năm 2022;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Minh H tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về “*Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn*”. Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết các yêu cầu khác vụ án và sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm: 1964

Địa chỉ: Tổ C, Khu phố T, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

* *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1968

Địa chỉ: Số nhà 112, đường Quang Trung, Tổ C, Khu phố T, thị trấn V, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quyền sử dụng đất thuộc các thửa đất số 193, 163 và 151 cùng tờ bản đồ số 53 (thành lập năm 1998, đo chỉnh lý năm 2006) thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị H đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần lượt các số AN 672640, AN 672641, AN 672642 cùng ngày 13/8/2009:

2.1.1. Chia cho ông Nguyễn Minh H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 123,2m² (loại đất ở nông thôn) thuộc thửa đất số 193 tờ bản đồ số 53 (thành lập năm 1998, đo chỉnh lý năm 2006) thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu gồm các mốc K, K', a, 1, K của Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 092/2022 ngày 11/7/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Vĩnh Cửu.

2.1.2. Chia cho bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 156,6m² (trong đó có 126,8m² đất ở nông thôn, 35,8m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 193 tờ bản đồ số 53 (thành lập năm 1998, đo chỉnh lý năm 2006) thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu gồm các mốc K', K'', a', a, K' của Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 092/2022 ngày 11/7/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Vĩnh Cửu.

2.1.3. Chia cho ông Nguyễn Minh H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 82m² thuộc thửa đất số 163 tờ bản đồ số 53 (thành lập năm 1998, đo chỉnh lý năm 2006) thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu gồm các mốc 1, a, b, 18, 1 của Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 092/2022 ngày 11/7/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Vĩnh Cửu.

2.1.4. Chia cho bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 126m² thuộc thửa đất số 163 tờ bản đồ số 53 (thành lập năm 1998, đo chỉnh lý năm 2006) thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu gồm các mốc a, a', 8, 9, 10, b', b, a của Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 092/2022 ngày 11/7/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Vĩnh Cửu.

2.1.5. Chia cho ông Nguyễn Minh H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 101m² thuộc thửa đất số 151 tờ bản đồ số 53 (thành lập năm 1998, đo chỉnh lý năm 2006) thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu gồm các mốc 18, b, 14, 13', 17, 18 của Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 092/2022 ngày 11/7/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Vĩnh Cửu.

2.1.6. Chia cho bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 203,5m² thuộc thửa đất số 151 tờ bản đồ số 53 (thành lập năm 1998, đo chỉnh lý năm 2006) thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu gồm các mốc b, b', 12, 13, 14, b của

Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 092/2022 ngày 11/7/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Vĩnh Cửu.

2.1.7. Ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục về đất đai theo quy định của pháp luật.

2.2. Đối với tài sản trên đất đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2.3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: căn cứ Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị H mỗi người tự nguyện chịu 2.435.000 (hai triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn) đồng. Ông Nguyễn Minh H đã nộp số tiền 4.870.000 (bốn triệu tám trăm bảy mươi ngàn) đồng nên bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông Nguyễn Minh H số tiền 2.435.000 (hai triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn) đồng.

2.4. Về chi phí thẩm định giá tài sản: căn cứ Điều 164 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị H mỗi người tự nguyện chịu 19.160.576 (mười chín triệu một trăm sáu mươi ngàn năm trăm bảy mươi sáu) đồng. Ông Nguyễn Minh H đã nộp số tiền 38.321.153 (ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi một ngàn một trăm năm mươi ba) đồng nên bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông Nguyễn Minh H số tiền 19.160.576 (mười chín triệu một trăm sáu mươi ngàn năm trăm bảy mươi sáu) đồng.

2.5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.6. Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2.7. Về án phí: căn cứ Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiết đ, tiểu mục 1.3, mục 1, chương II, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Ông Nguyễn Minh H, bà Nguyễn Thị H mỗi người tự nguyện chịu 52.974.700.000 (năm mươi hai triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm) đồng án phí chia tài sản sau khi ly hôn. Ông H được tính trừ vào số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng (6.250.000 đồng + 1.750.000 đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo 02 Biên lai thu số 000682 ngày 19/10/2017 và 004851 ngày 26/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Ông H còn phải nộp tiếp số tiền 44.974.700 (bốn mươi bốn triệu chín trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm) đồng án phí sơ thẩm chia tài sản sau khi ly hôn.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh H đối với bà Nguyễn Thị H về “*Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn*” đối với diện tích đất $113,5m^2$ ($(40,6m^2 + 47m^2 + 5,7m^2) + (2,8m^2 + 0,3m^2 + 7,2m^2) + (1,7m^2 + 0,7m^2 + 6,5m^2 + 1,0m^2)$) lần lượt thuộc các thửa đất số 193, 163 và 151 cùng tờ bản đồ số 53 (thành lập năm 1998, đo chỉnh lý năm 2006) thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu theo Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 092/2022 ngày 11/7/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Vĩnh Cửu.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự (04);
- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND huyện Vĩnh Cửu (02);
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*đã ký tên, đóng dấu*)

Võ Xuân Sơn